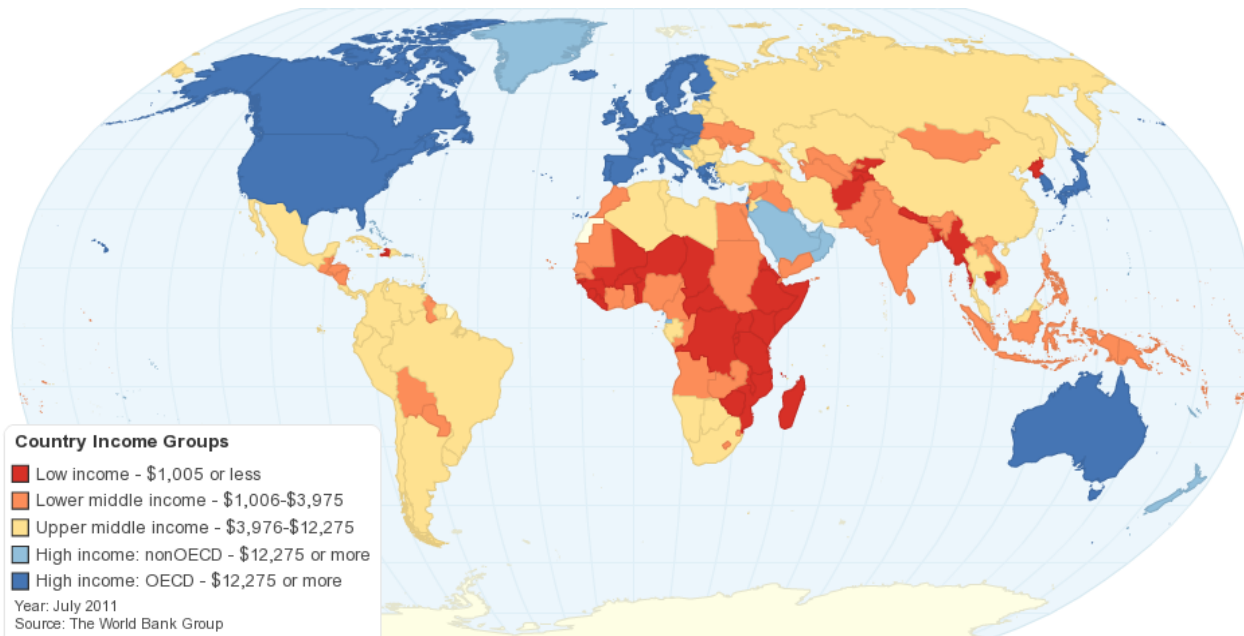


Mô thức phát triển và các vấn đề của chính sách phát triển

Chính sách Phát triển





Nội dung

1. Mô thức tăng trưởng kinh tế toàn cầu
2. Tăng trưởng và phát triển
3. Quá trình phát triển và những thay đổi
4. Năm đặc trưng của nước tăng trưởng nhanh
5. Các vấn đề của chính sách phát triển

1. Mô thức tăng trưởng kinh tế toàn cầu



- Tăng trưởng tăng tốc sau 1820
- Mô thức không đồng nhất
- Hồ cách thu nhập tuyệt đối - Phân cực toàn cầu

Longest-Run Economic Growth

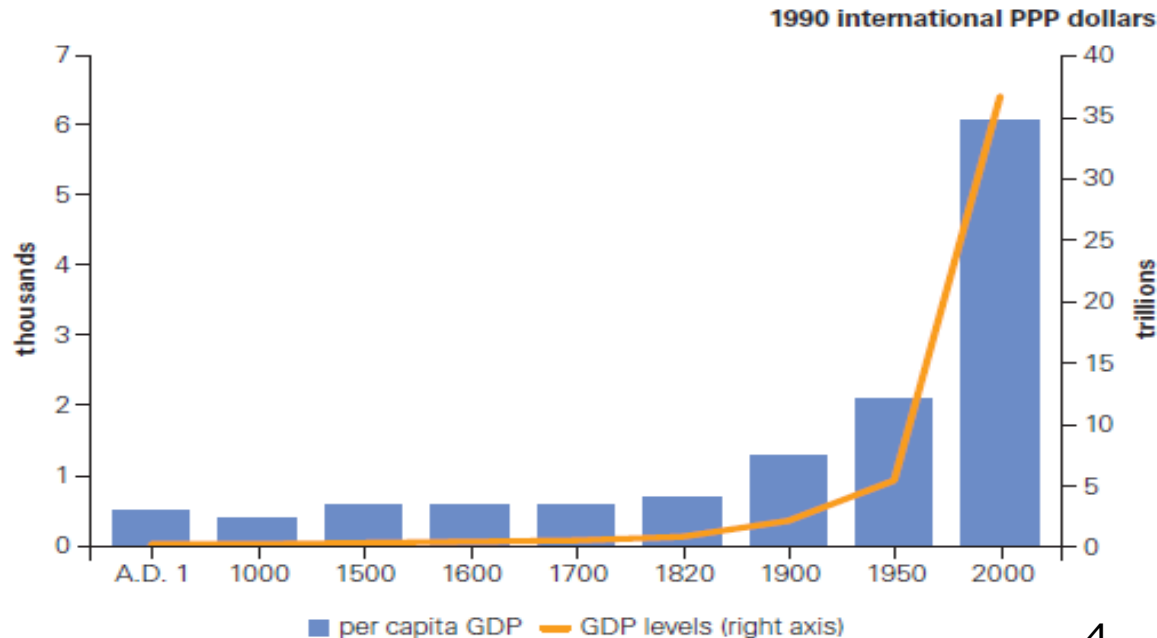
Year	Population*	GDP per Capita**
-5000	5	\$130
-1000	50	\$160
1	170	\$135
1000	265	\$165
1500	425	\$175
1800	900	\$250
1900	1625	\$850
1950	2515	\$2030
1975	4080	\$4640
2000	6120	\$8175

*Millions

**In year-2000 international dollars.

- gPCI: tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người
- 1-1000: gPCI = 0%
- 1000-1820: gPCI = 0,05%
 - 800 năm: PCI tăng 50%!; 1400 năm PCI gấp đôi
- Từ 1820, #180 năm PCI tăng 1,2%
 - 58 năm: PCI tăng gấp đôi

Figure 1 Evolution of Global and Per Capita GDP in the Last 2,000 Years



Source: Angus Maddison century-millennium data.

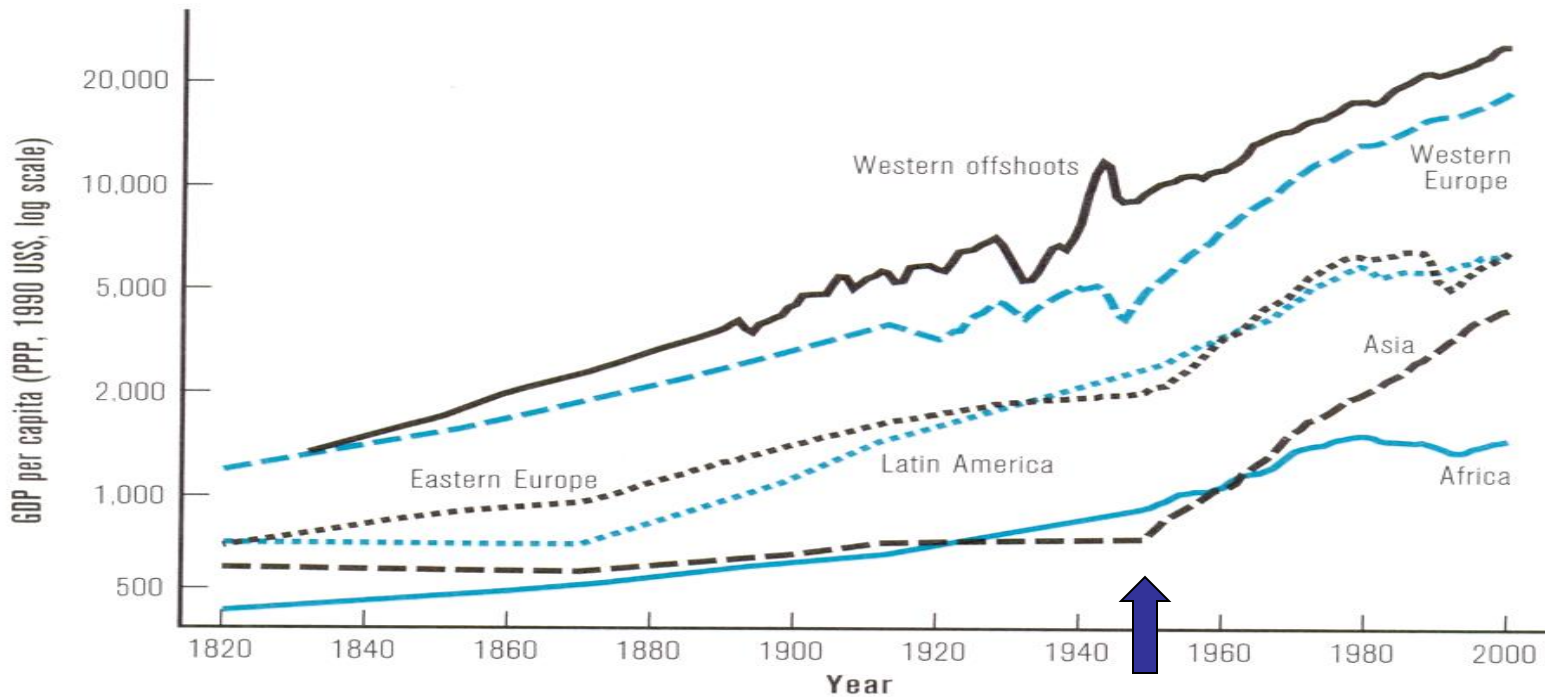


FIGURE 2-1. Levels of GDP per Capita by Region: 1820–2001

Note: Western “offshoots” include Australia, Canada, New Zealand, and the United States.

Source: Maddison www.eco.rug.nl/~Maddison/content.shtml.

Tăng trưởng tăng tốc từ 1820

Đến 1950:

Nước giàu tăng trưởng nhanh, nghèo tăng trưởng chậm.

Tỷ số thu nhập giàu nhất/ngèo nhất 3:1 (1820), 15:1 (1950)

Mô thức thay đổi từ 1950:

Châu Á nổi lên.

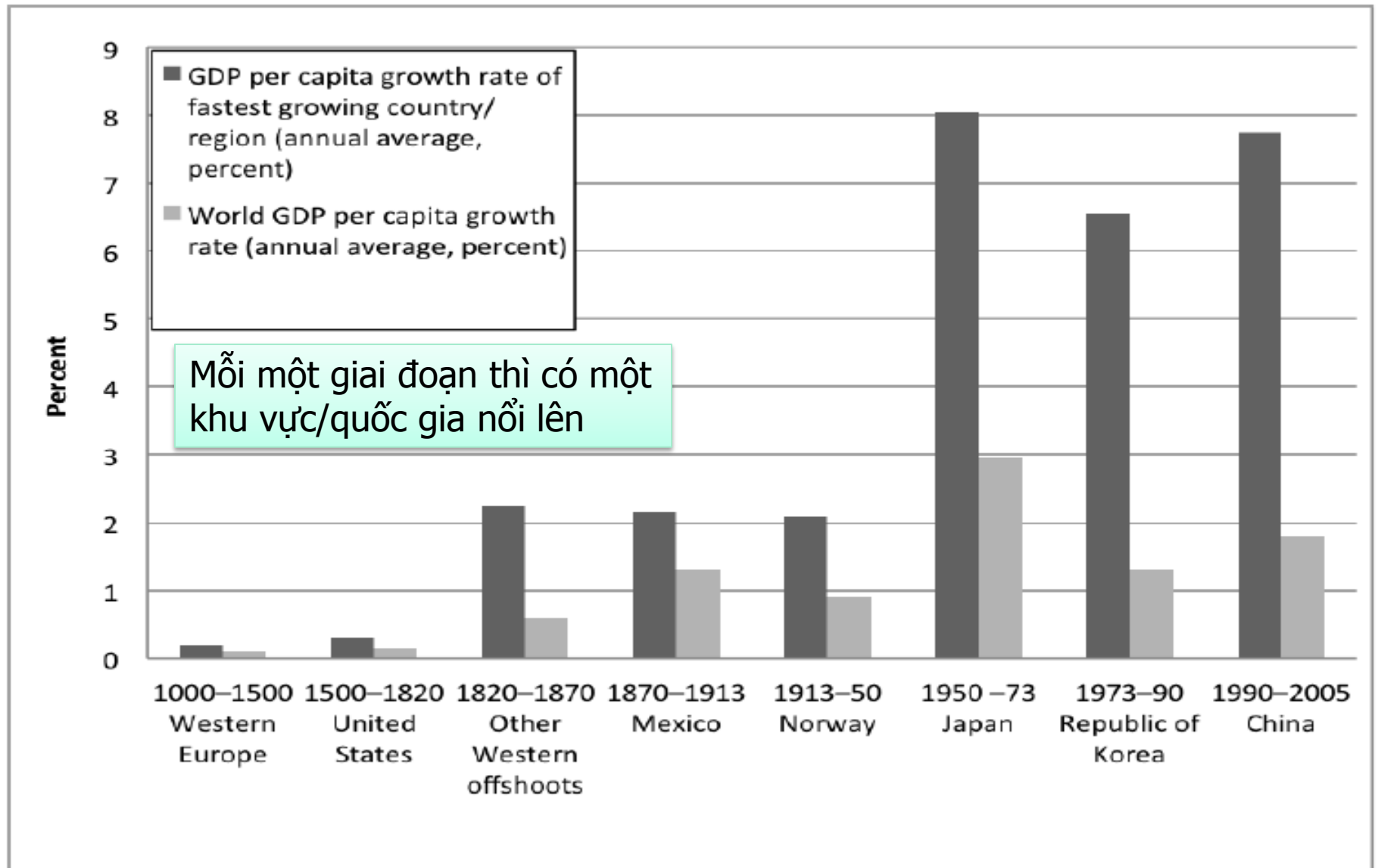
Châu Mỹ latin trì trệ sau 1980.

Đông Âu chậm lại sau 1989.

Châu Phi mở nhất từ 1980.

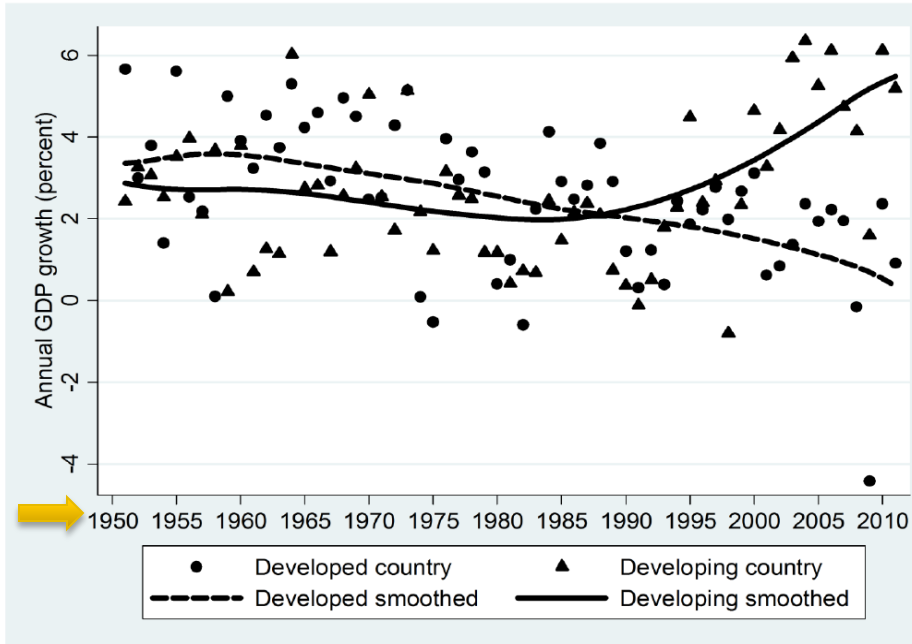
Hố cách thu nhập giàu (Western offshoots), nghèo (châu Phi) 19:1

Figure 4.1 Historical Economic Growth Rates, for the World as a Whole and for Exceptionally Successful Countries



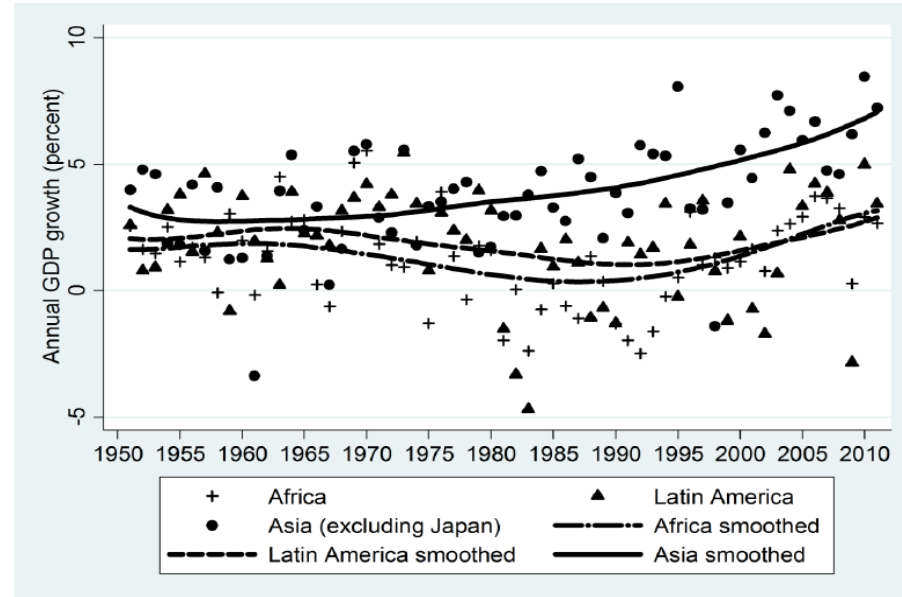
Source: Maddison 2010.

Figure 1.1 Growth Trends in Developed and Developing Countries, 1950–2011



Source: Updated from Rodrik 2011b.

Figure 1.2 Developing Country Growth Trends, by Region, 1950–2011



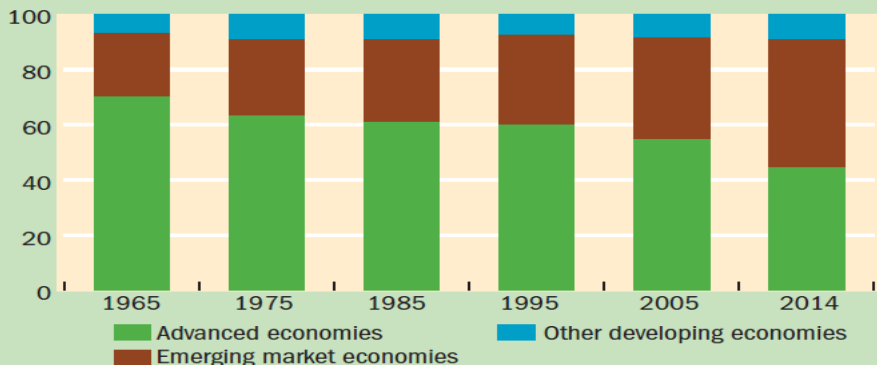
Source: Updated from Rodrik 2011b.

Chart 3

Rise of emerging markets

Emerging market economies' share of global GDP has risen steadily since 1965.

(share of global GDP, percent)



Source: IMF, World Economic Outlook database.

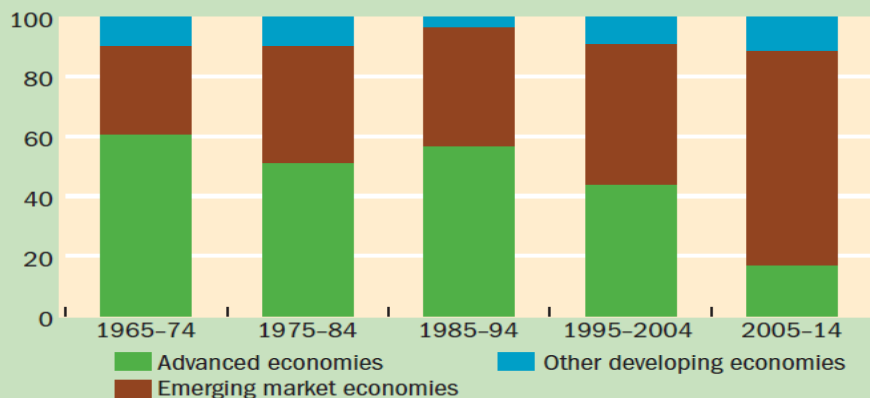
Note: Data are measured in purchasing power parity—the rate at which currencies would be converted if they were to buy the same quantity of goods and services in each country. Data for 2014 are forecasts.

Chart 4

Growing up

Emerging market economies account for a growing share of world GDP growth.

(contribution to world GDP growth, percent)



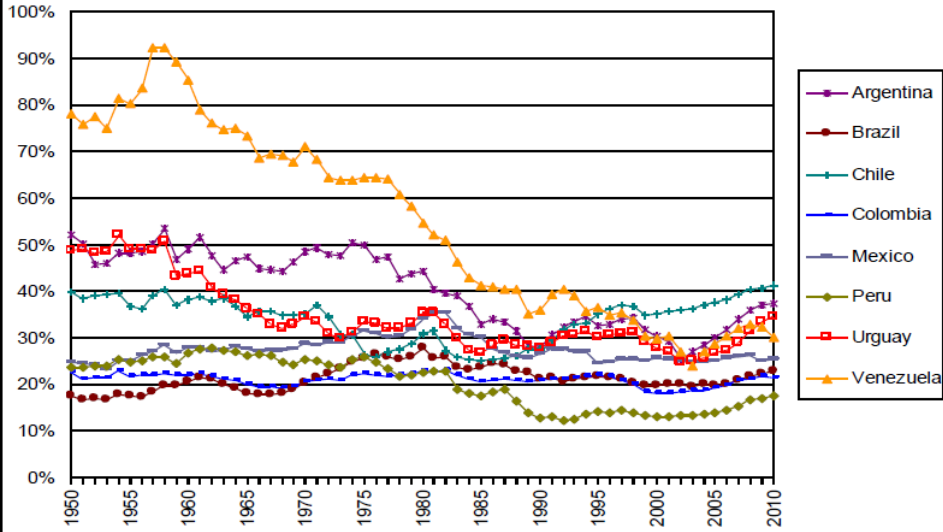
Source: IMF, World Economic Outlook database.

Note: The data for 2014 are forecasts.

Latin America

Per capita real income relative to US

(Measured by the 1990 international Geary-Khamis dollars)

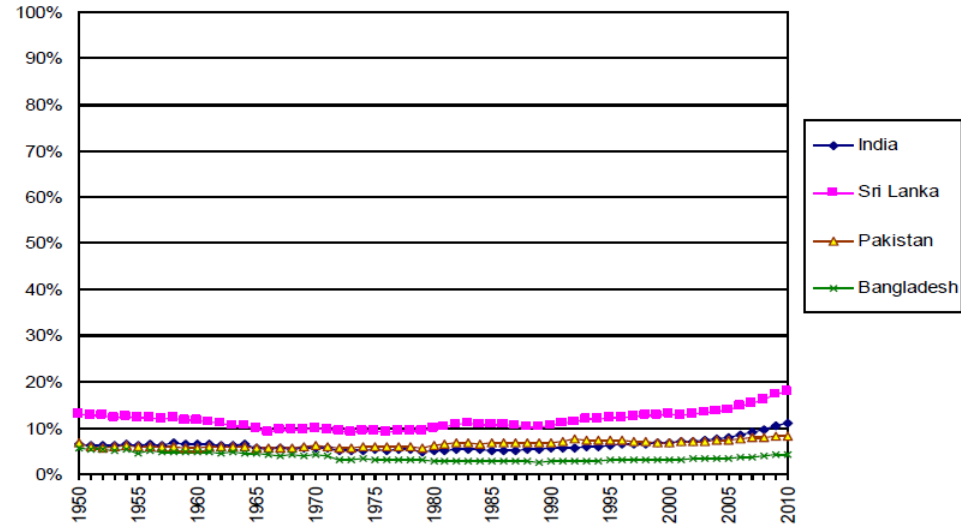


Sources: Angus Maddison, *The World Economy: Historical Statistics*, OECD Development Centre, 2003; the Central Bank of the Republic of China; and IMF, *World Economic Outlook Database, April 2010* (for updating).

South Asia

Per capita real income relative to US

(Measured by the 1990 international Geary-Khamis dollars)

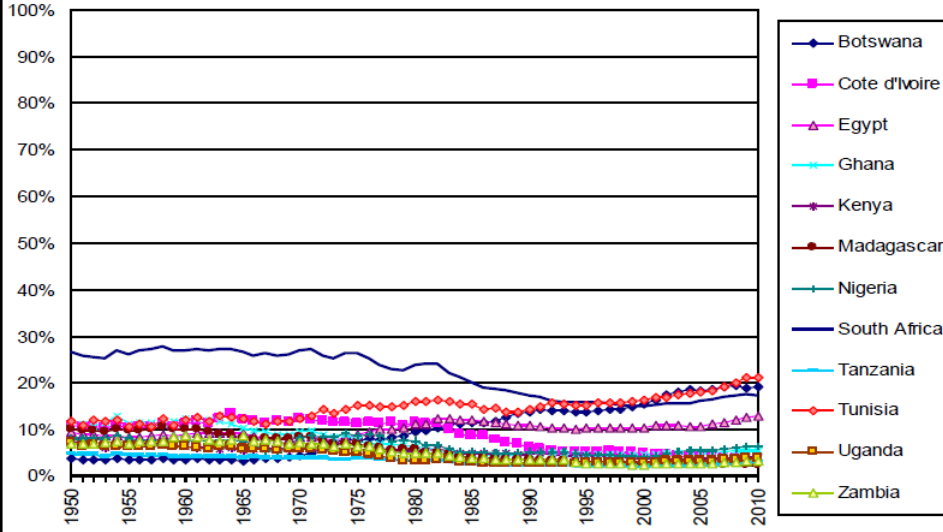


Sources: Angus Maddison, *The World Economy: Historical Statistics*, OECD Development Centre, 2003; the Central Bank of the Republic of China; and IMF, *World Economic Outlook Database, April 2010* (for updating).

Africa

Per capita real income relative to US

(Measured by the 1990 international Geary-Khamis dollars)

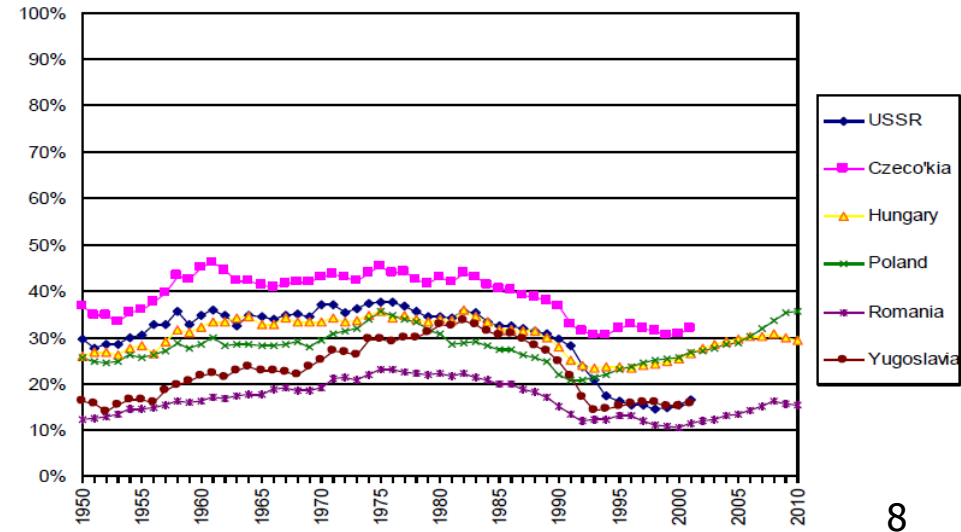


Sources: Angus Maddison, *The World Economy: Historical Statistics*, OECD Development Centre, 2003; the Central Bank of the Republic of China; and IMF, *World Economic Outlook Database, April 2010* (for updating).

Russia & Eastern Europe

Per capita real income relative to US

(Measured by the 1990 international Geary-Khamis dollars)

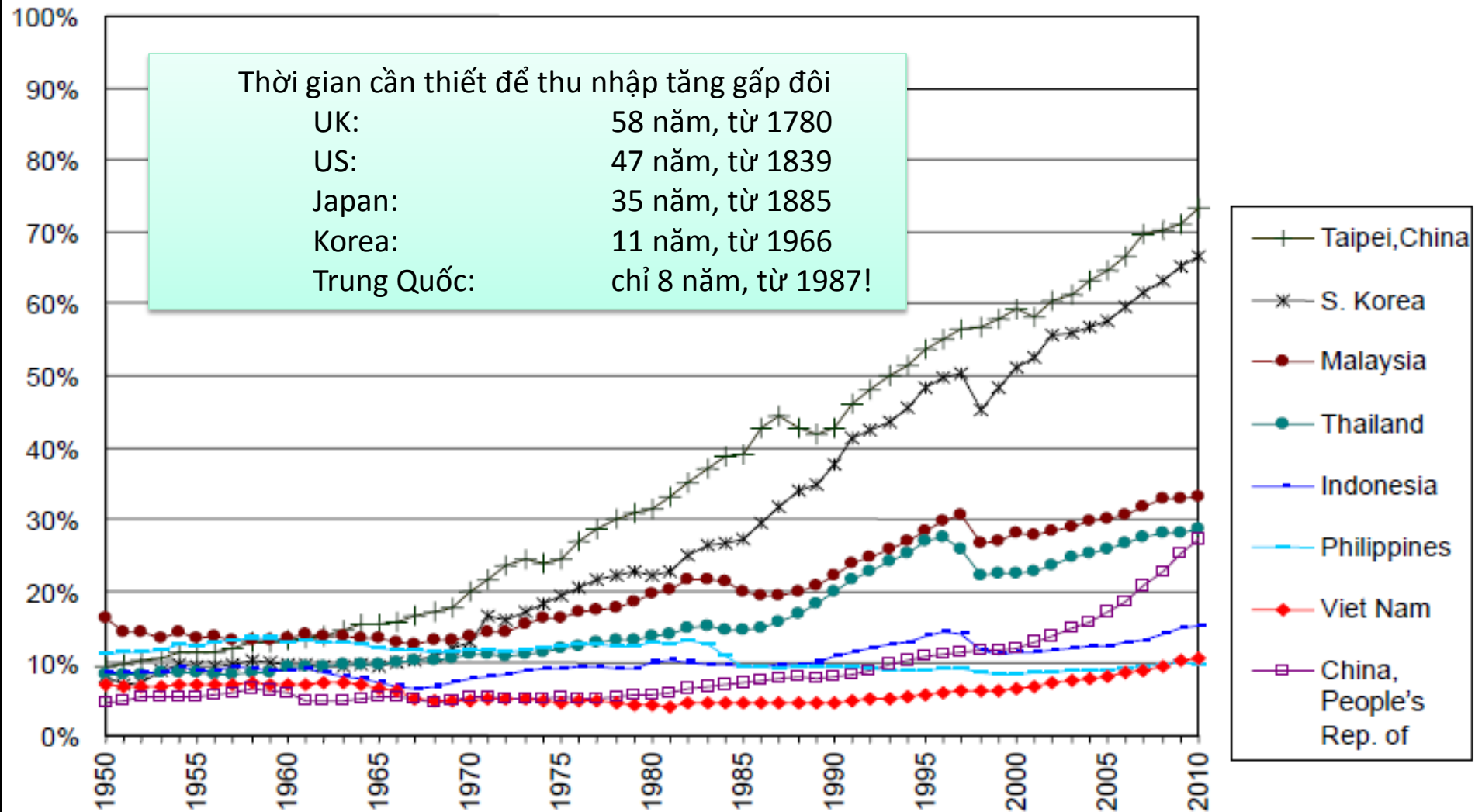


Sources: Angus Maddison, *The World Economy: Historical Statistics*, OECD Development Centre, 2003; the Central Bank of the Republic of China; and IMF, *World Economic Outlook Database, April 2010* (for updating).

Speed of Catching Up: East Asia

Per capita real income relative to US

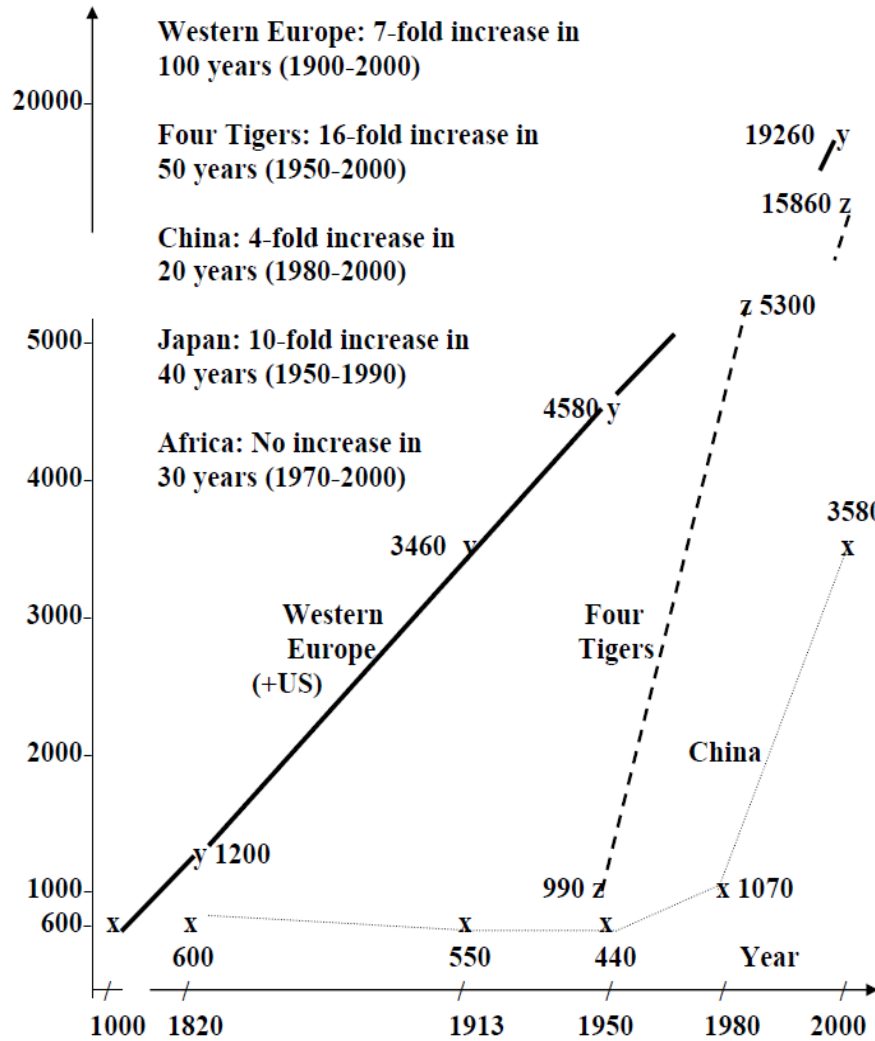
(Measured by the 1990 international Geary-Khamis dollars)



Nhiều con đường đi đến phát triển - Sự thay thế

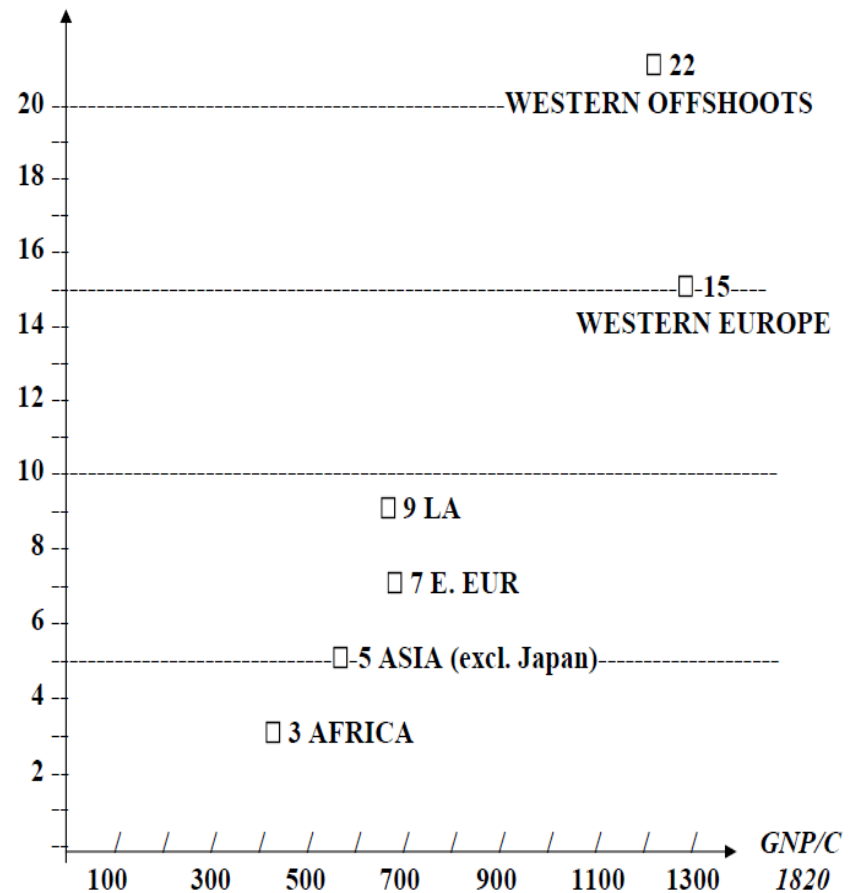
- “Nước Anh trước cách mạng công nghiệp đã trải qua hàng thế kỷ với CNTB thương nghiệp.
 - *Có nghĩa là Ghana hay Indonesia cũng phải có kinh nghiệm với CNTB thương nghiệp thì mới phát triển kinh tế không?*
- Nếu theo con đường đó thì những quốc gia này có lẽ còn phải chịu nghèo nàn thêm một thế kỷ hay dài hơn nữa.”
- Nhiều con đường đi đến phát triển - *Sự thay thế*

Per-capita GDP
(1990 int. \$)



Source: Maddison 2001, tables 5.c (p184), 8-3 (p249), A4-c (p224)

Cumulative increase in GNI/C
(Ratio of GNI/C 1998 over 1820)



Source: Data from Maddison 2001, Table 3-1B (p 126)

To note: In 1820, the ratio of GNP/C between the richest and the poorest regions was about 3. In 1998 this ratio had grown to 19 according to Maddison's estimates



2. Tăng trưởng và phát triển

- Nước có tốc độ tăng trưởng thấp sẽ bị bỏ lại phía sau.
- Nhưng tăng trưởng có phải là tất cả?



Tăng trưởng và phát triển

- Tăng trưởng nhanh – nhóm nước đang phát triển
 - Thu nhập - Sức khỏe – Giáo dục cải thiện
 - Giảm nghèo
- Thoát nghèo vẫn bấp bênh
 - Môi trường tự nhiên bị hủy hoại
 - Tăng trưởng kinh tế quốc gia không ổn định
- Phát triển kinh tế
 - Không phải theo năm
 - Mà là hàng thập niên



Nước giàu và nước nghèo

GNI bqđn (Atlas method 2011):

- Low-income: [35 countries]
(= \leq \$1045)
- Lower middle-income: [57]
(\$1046 - \$4125)
- Upper middle-income: [54]
(\$4126 - \$12745)
- High-income: [70]
(\geq \$12746)

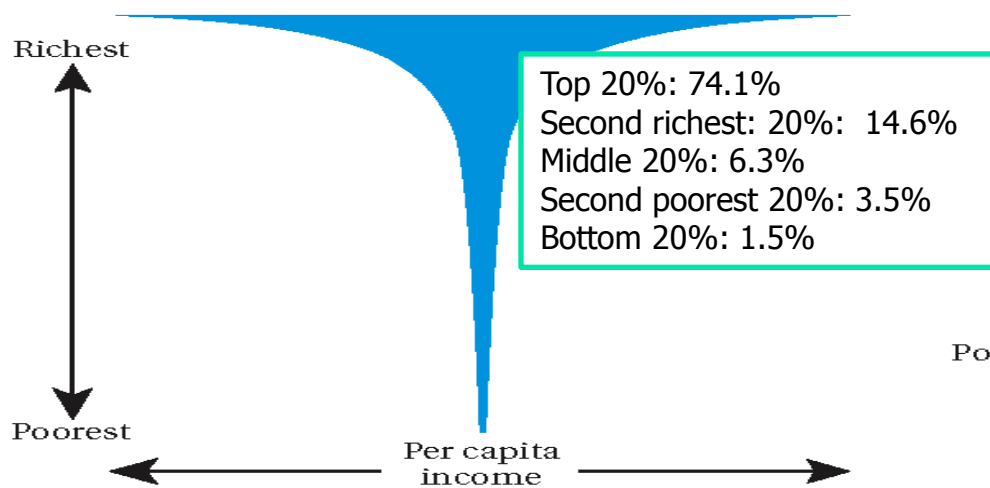
- Developing world:
 - "low" & "middle" income
 - Dân số 5,818 tỷ (2013)
- Developed world:
 - "high" income
 - Dân số 1,306 tỷ (2013)
- Tỷ lệ thu nhập:
 - World: 76.263 tỷ USD (102.198 tỷ PPP)
 - Developing/Developed
 - 24.253/52.010 (tỷ USD)
 - 49.135/53.285 (PPP)

Hơn 25 năm trước, # 50% dân số thuộc thu nhập thấp

Nguồn: WDI 2015

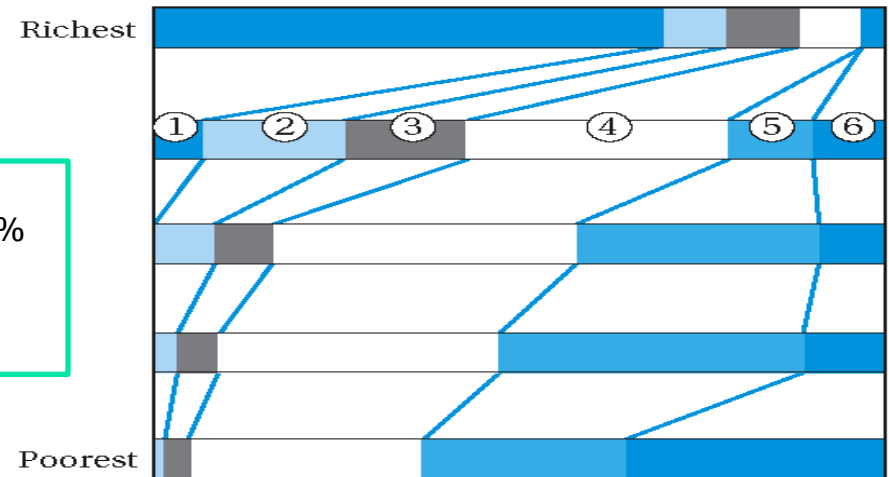
Phân phối thu nhập toàn cầu

World income distributed by percentiles of the population, 2000



(a)

Regional percentage of the population for each 20% of income



Poorest

- ① High-income OECD
- ② Eastern and central Europe and CIS
- ③ Latin America and the Caribbean
- ④ East Asia and the Pacific
- ⑤ South Asia
- ⑥ Sub-Saharan Africa

(b)

Part (a) shows world income distribution by percentile. The huge share controlled by the top percentiles gives the graph its “champagne glass shape.” Part (b) shows the regional shares of global income. For example, a large majority of people in the top 20% of the global income distribution live in the rich countries. Most of those in the bottom 60% live in sub-Saharan Africa and Asia.



Tăng trưởng và phát triển

- Tăng trưởng
 - PPF dịch ra bên ngoài
 - Tăng thu nhập, thu nhập bq đều người
- Tăng trưởng là sự gia tăng một cách bền vững của sản lượng bình quân đầu người hay sản lượng trên mỗi lao động

(Simon Kuznets)
- Tăng trưởng kinh tế xảy ra nếu sản lượng tăng nhanh hơn dân số

(Douglass C. North và Robert Paul Thomas)
- Phát triển
 - Chất lượng cuộc sống=Phúc lợi (vật chất, môi trường, an sinh...)
- Thu nhập bình quân đầu người như nhau nhưng rất khác nhau về chất lượng cuộc sống
- Phát triển và tăng trưởng kinh tế hiện đại đề cập đến thu nhập đầu người, không thể có phát triển bền vững nếu thiếu tăng trưởng kinh tế



Tăng trưởng và phát triển

- Phát triển kinh tế
 - Cải thiện sức khỏe và giáo dục
 - Thay đổi cơ cấu (công nghiệp hóa và đô thị hóa)
- Nhiều nước tăng trưởng do khám phá tài nguyên nhưng không phát triển
 - Cấu trúc và đặc tính của xã hội truyền thống vẫn tồn tại
- Phát triển kinh tế thể hiện qua những thay đổi quan trọng nào?

3. Quá trình phát triển và những chỉ báo thay đổi

- GNI và GDP bình quân đầu người (USD và PPP)
- Sử dụng năng lượng bình quân đầu người
- Dân số nông thôn (% tổng dân số)
- Tuổi thọ kỳ vọng
- Trình độ học vấn
- ...

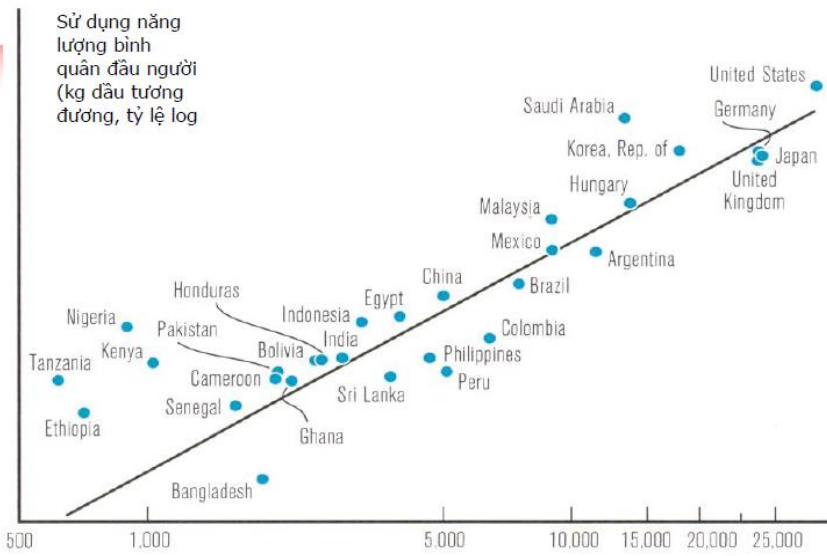
Phát triển và thay đổi cấu trúc nền kinh tế



- Trình độ phát triển thể hiện ở
 - Thu nhập, thu nhập bình quân, PPP...
 - Hiệu suất sử dụng nguồn lực sản xuất
 - Cơ cấu kinh tế...
- Phát triển và thay đổi cấu trúc nền kinh tế
 - Cơ cấu sản xuất và di chuyển nguồn lực
 - Đóng góp các ngành sản xuất vào GDP
 - Thay đổi dân số học
 - Nhu cầu và cơ cấu hàng hóa tiêu dùng
 - ...

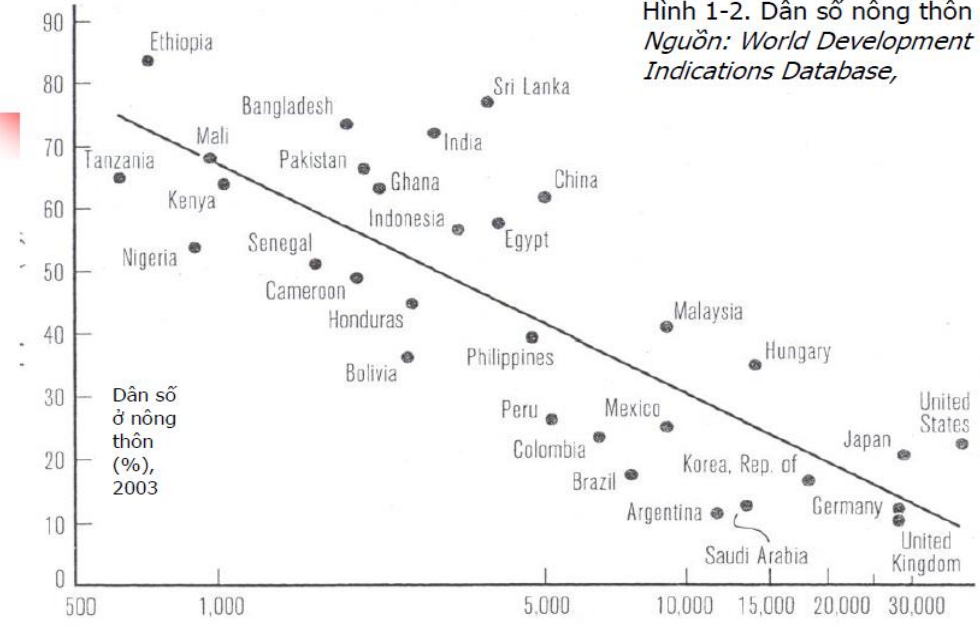
Hình 1-1. Tiêu dùng năng lượng bình quân đầu người

Nguồn: World Development Indications Database



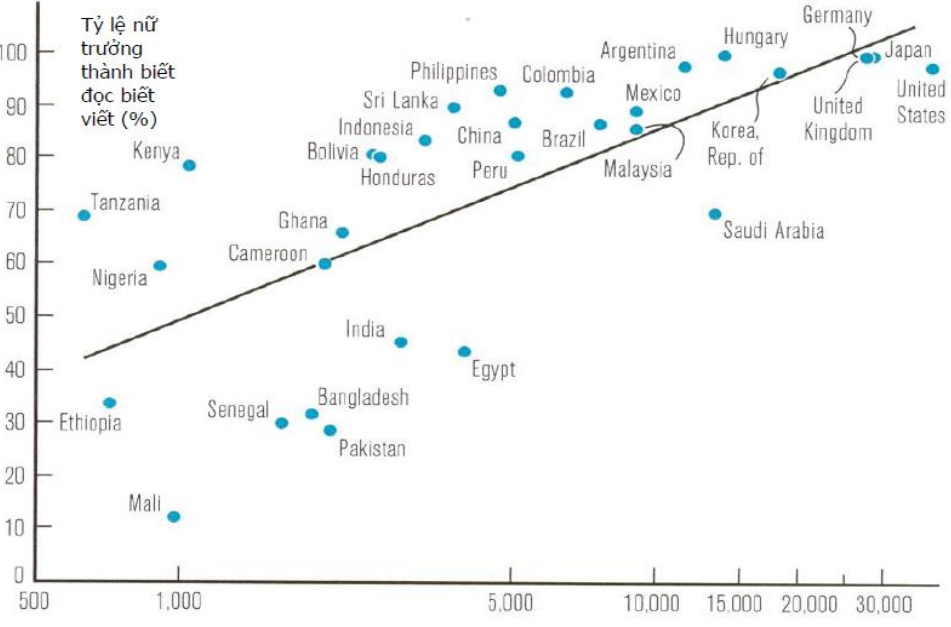
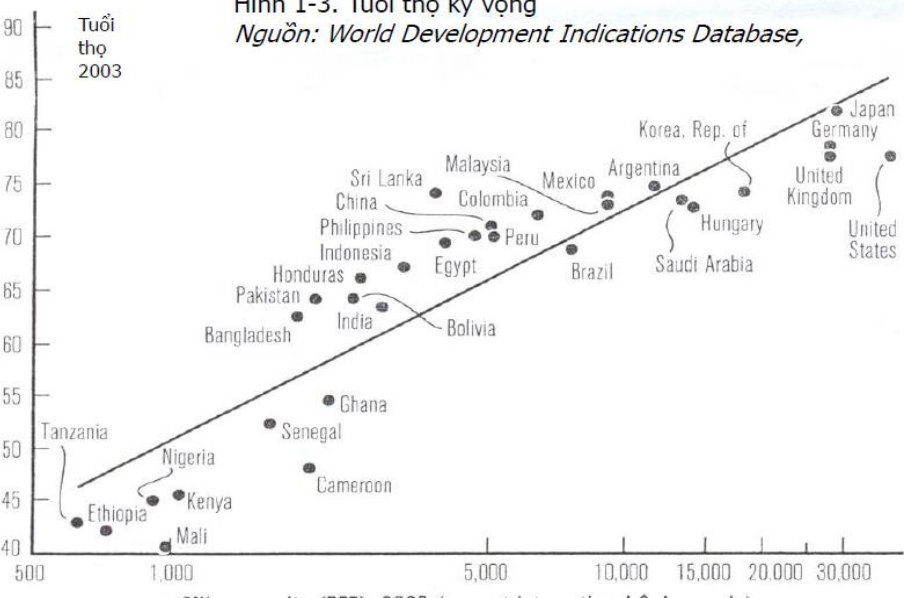
Hình 1-2. Dân số nông thôn

Nguồn: World Development Indications Database



Hình 1-3. Tuổi thọ kỳ vọng

Nguồn: World Development Indications Database



Nước thu nhập thấp và nước phát triển

1. Mức sống và năng suất thấp hơn
2. Mức vốn nhân lực thấp hơn
3. Mức bất bình đẳng và nghèo tuyệt đối cao hơn
4. Tăng trưởng dân số cao hơn
5. Phân hóa xã hội lớn hơn
6. Dân số nông thôn lớn hơn – di dân nhanh chóng ra các đô thị
7. Mức độ công nghiệp hóa và xuất khẩu hàng chế tạo thấp hơn
8. Vị trí địa lý bất lợi
9. Các thị trường tài chính và các thị trường khác kém phát triển
10. Di sản thuộc địa – thể chế yếu kém...

■ Tám khác biệt

1. Nguồn nhân lực và vật chất
2. Mức GDP và PCI
3. Môi trường và hoàn cảnh
4. Tăng trưởng, phân phối và qui mô dân số
5. Di dân quốc tế
6. Lợi ích thương mại quốc tế
7. Nghiên cứu khoa học và công nghệ
8. Hiệu quả và hiệu lực của thể chế nội địa



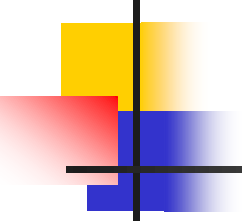
4. Đặc trưng của các nền kinh tế tăng trưởng nhanh

1. Ổn định chính trị và kinh tế vĩ mô.
2. Đầu tư vào giáo dục và y tế.
3. Các thể chế và quản trị hiệu quả.
4. Môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân.
5. Vị trí địa lý thuận lợi.

5. Các vấn đề của chính sách phát triển

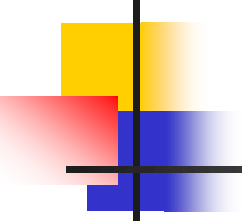


Dani Rodrik và Mark R. Rosenzweig (2009)



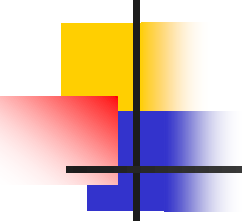
1. *Các chính sách tác động đến phát triển trải trên bình diện rộng lớn, từ chính sách vĩ mô (tiền tệ, tỷ giá) đến những can thiệp tài chính vi mô và có sự liên đới với nhau.*

- Đây là sự khác biệt giữa kinh tế phát triển và các lĩnh vực khác của kinh tế học.
- Giải pháp chính sách trải rộng, liên hệ lẫn nhau: chống lạm phát liên quan đến giảm nghèo; tài chính vi mô và thị trường tín dụng liên quan đến tỷ lệ ghi danh đi học; ...



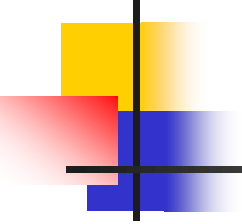
2. *Sự phát huy hiệu quả của chính sách ít khi dùng với câu hỏi "does it work;" mà thay vào đó là "when does it work and when not and why?"*

- Lý thuyết rộng lớn và linh hoạt cho nhiều loại hình chính sách và vấn đề chính sách phải phù hợp bối cảnh, thay đổi theo thời gian.
- Ứng dụng chính sách càng chi tiết càng tốt, không nên chung chung.
- Không có giải pháp "one size fits all".



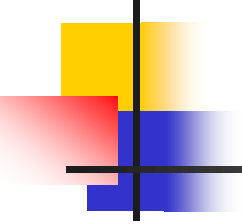
3. Các chính sách phát triển thể hiện đặc thù về mức độ bổ sung cao.

- Chính sách phải phù hợp bối cảnh và các điều kiện tiền đề hay tiên quyết. Chính sách vận hành thành công hay thất bại phụ thuộc những điều kiện tiên quyết này và tính khả thi của gói giải pháp.
- Tự do hóa tài chính và hưởng lợi từ quá trình này chỉ đi kèm với các chính sách tái cấu trúc và chính sách vĩ mô cụ thể hướng đến quản lý hiệu quả tài khoản vốn và tài chính.
- Một chính sách ngoại thương thành công đi kèm với chính sách thị trường lao động hay sự tự do gia nhập/thoát ra của doanh nghiệp.
- Không thể phân tích vai trò và hiệu quả của viện trợ mà không tính đến vấn đề ngoại thương, tăng trưởng, và nền chính trị của quốc gia đó.
- Chính sách can thiệp vào việc ghi danh đi học sẽ không hiệu quả trong một môi trường sức khỏe xấu và tuổi thọ thấp.

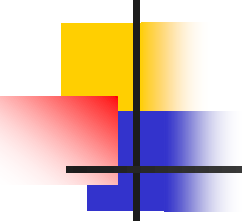


4. *Mặc dù các nước đang phát triển hội nhập nhiều hơn vào nền kinh tế toàn cầu những thập niên qua, nhưng sự hội nhập của các nước này vẫn còn trệch hướng, nhiều điều gây ngạc nhiên và không thể cung cấp những lợi ích như mong đợi.*

- Chính sách tự do hóa ngoại thương không phải lúc nào cũng mang lại lợi ích.
- Tự do hóa tài chính đi kèm nhiều cuộc khủng hoảng.
- Dịch chuyển lao động toàn cầu chịu sự ràng buộc nghiêm ngặt của các nước giàu. Vấn đề chảy máu chất xám và tri thức.

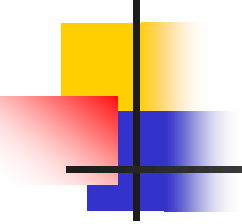


5. *Kinh nghiệm thực tế từ chính sách phát triển ngày càng gia tăng đang dẫn dắt các nhà kinh tế tiến đến phạm vi phân tích rộng hơn và sâu hơn các lĩnh vực thể chế, quản trị nhà nước và các vấn đề chính trị.*



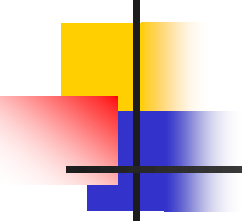
6. Xác định đúng nguyên nhân và ảnh hưởng đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc thiết kế chính sách phát triển, và ngày càng trở thành vấn đề trung tâm của nghiên cứu phát triển. Nhưng vẫn còn đó các nguy cơ và nhầm lẫn.

- Mô hình kinh tế lượng – tương quan và nhân quả.
- Cải thiện dinh dưỡng và sức khỏe với năng suất.
- Mở cửa (đo lường) và tăng trưởng.
- Bất bình đẳng, giảm nghèo và tăng trưởng.
- Hạn chế của ppnc, dữ liệu, và bằng chứng thực nghiệm.



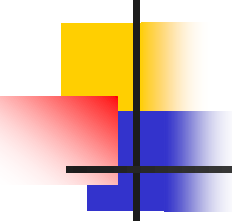
7. Phân biệt giữa những triệu chứng kém phát triển với các nguyên nhân gốc rễ của kém phát triển là chìa khóa giúp xác định các chính sách đúng.

- Các chương trình phân phối thu nhập cho người nghèo giúp giảm nghèo không thể phát huy tác dụng giảm nghèo trong dài hạn.
- Tăng ghi danh và sự hiện diện của trẻ em đến lớp bằng cách phát tiền cho cha mẹ liệu có là một giải pháp?



8. *Chúng ta học hỏi từ rất nhiều loại bằng chứng khác nhau. Sự tiến bộ của chính sách phát triển thông qua việc cập nhật các ưu tiên những gì vận hành tốt, vận hành như thế nào, và ở đâu.*

- Câu chuyện những người bán hàng rong TP HCM (60.000 người) dưới góc nhìn
 - Sức khỏe cộng đồng
 - Phát triển và chính sách
- Trang bị nước sạch, phương tiện nấu nướng, mái che, quản lý đăng ký (Singapore và Thái lan)
- Quy định, giấy phép, thu phí, đuổi bắt và dọn dẹp (Việt Nam)



9. *Kinh nghiệm các nước đang phát triển với các thể chế và chính sách đa dạng cung cấp một phòng thí nghiệm cho việc học hỏi ảnh hưởng của các chính sách và sự sắp xếp thể chế - đang có những đóng góp quan trọng cho kinh tế học như một ngành khoa học ứng dụng.*

Kinh tế học không đơn thuần n/c lý thuyết và phát triển mô hình mà ngày càng hướng đến những lĩnh vực ứng dụng nhiều hơn và ngược lại nhờ vào sự đa dạng của chính sách phát triển đã góp phần cung cấp cơ sở cho các n/c kinh tế học (tham nhũng và phân tích kinh tế học cung/cầu dẫn đến hiện tượng này và các chính sách giải quyết chúng nhờ vào các nguyên lý kinh tế học.